

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 22

Phần B.II - Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Ngày thi: 25/5/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Thị Anh	7,00	Bảy	41	Ngô Thị Ngọc Linh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Nông Thị Ao	7,00	Bảy	42	Hoàng Thị Mai	7,00	Bảy
3	Nông Thị Bạch	7,00	Bảy	43	Nguyễn Phương Mai	8,00	Tám
4	Lục Thị Châm	6,75	Sáu phẩy bảy năm	44	Nông Thị Niệm	8,00	Tám
5	Lê Kiên Chung	8,00	Tám	45	Dương Thị Ngân	7,50	Bảy phẩy năm
6	Hoàng Thị Chuyên		Thôi học	46	Phạm Thị Nhân	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	Phan Đoàn Dân	7,50	Bảy phẩy năm	47	Triệu Thị Nháy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Hà Thị Phương Dung	8,00	Tám	48	Phùng Tồn Nhất	6,00	Sáu
9	Vi Thị Dung	7,25	Bảy phẩy hai năm	49	Chu Thị Nhậ	8,00	Tám
10	Bế Thị Dung	8,00	Tám	50	Hoàng Thị Nhiệm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Luân Tuấn Đạt	7,50	Bảy phẩy năm	51	Nông Thị Hồng Nhung	8,00	Tám
12	Nông Tiến Đạt	8,00	Tám	52	Phạm Thị Lưu Như	7,00	Bảy
13	Trần Văn Đạt	7,50	Bảy phẩy năm	53	Thảm Thị Phúc	6,50	Sáu phẩy năm
14	Lưu Chí Đức	8,00	Tám	54	Hoàng Thúy Quỳnh	6,50	Sáu phẩy năm
15	Tô Thị Giang	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Hứa Mạnh Toàn	6,50	Sáu phẩy năm
16	Đào Thị Hạnh	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Đỗ Thị Thanh Tú	7,00	Bảy
17	Chu Thị Hào	8,00	Tám	57	Phùng Ngọc Tú	7,00	Bảy
18	Hoàng Thị Tú Hiền	8,00	Tám	58	Mông Tô Tuyên	7,00	Bảy
19	Hoàng Thị Hiền	8,00	Tám	59	Nông Văn Tư	7,25	Bảy phẩy hai năm
20	Nông Trung Hiếu	8,25	Tám phẩy hai năm	60	Lâm Đức Thành	7,00	Bảy
21	Hà Thị Hoa	8,00	Tám	61	Lôi Thị Thao	7,75	Bảy phẩy bảy năm
22	Đàm Thị Phương Hoài	8,00	Tám	62	Lý Thị Thảo	7,75	Bảy phẩy bảy năm

23	Mã Xuân Hợp	7,50	Bảy phẩy năm	63	Lâm Thu Thiều	7,50	Bảy phẩy năm
24	Lý Thị Hợp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	64	Chu Thị Thơm	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Trịnh Minh Huế	8,00	Tám	65	Phạm Bằng Thuận	6,75	Sáu phẩy bảy năm
26	Nông Lý Huệ	8,00	Tám	66	Hà Thị Thu	7,50	Bảy phẩy năm
27	Hoàng Mạnh Hùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	67	Lương Thị Thanh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
28	Hà Văn Huy	8,00	Tám	68	Hoàng Thu Thủy	7,00	Bảy
29	Hoàng Văn Hưng	7,25	Bảy phẩy hai năm	69	Trần Thị Thu Thúy	8,00	Tám
30	Nông Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	70	Nông Thị Thúy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Đàm Thị Thu Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	71	Lê Thị Thương	8,00	Tám
32	Hứa Thị Hường	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nguyễn Thị Trang	8,00	Tám
33	Ma Nông Hữu	6,50	Sáu phẩy năm	73	Chu Thị Huyền Trang	8,00	Tám
34	Nông Thị Kiều	8,00	Tám	74	Triệu Thị Trâm	8,00	Tám
35	Vương Văn Khuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	75	Bàn Hữu Trung	7,25	Bảy phẩy hai năm
36	Lục Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Hoàng Lê Vân	8,00	Tám
37	Nông Hồng Lanh	8,00	Tám	77	Trần Văn Việt	7,25	Bảy phẩy hai năm
38	Long Thị Lãnh	8,00	Tám	78	Hoàng Văn Vinh	7,00	Bảy
39	Nông Văn Lâm	7,75	Bảy phẩy bảy năm	79	Hoàng Xuân Vũ	7,25	Bảy phẩy hai năm
40	Nguyễn Thị Tú Lệ	8,00	Tám	80	Hoàng Thị Hải Yến		<i>Thôi học</i>

Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,50: 04 điểm; Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 11 điểm; Điểm 7,25: 10 điểm; Điểm 7,50: 10 điểm; Điểm 7,75: 12 điểm; Điểm 8,00: 27 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thủy



Trịnh Thị Ánh Hoa